

Bài 120. Kinh Tăng Chi | Chương Năm pháp | Phẩm Chiến Sĩ | Sư Giác Nguyên giảng 23/09/2018

Nhiều lần và rất nhiều lần chúng tôi nói rằng Đức Thế Tôn đã sử dụng vô lượng phương tiện để trình bày con đường giải thoát. Có chỗ Ngài nói Bát Chánh Đạo, có chỗ Ngài nói Thất Giác Chi, Năm Căn, Năm Lực, Tứ Như Ý Túc, Tứ Chánh Cần, Tứ Niệm Xứ, có chỗ Ngài nói Tam Học. Nhưng mà chúng ta cũng thấy là ngoài những pháp thoại như vậy đó, Ngài còn nhiều lối trình bày khác mà trước sau có cùng một nội dung, là kêu gọi chúng ta sống Chánh niệm và Trí tuệ để quán chiếu danh sắc, 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới qua các phương thức chân đế hay tục đế.

Chân đế tức là trực tiếp quán chiếu: đây là 5 uẩn, đây là 12 xứ, 18 giới, đây là danh, đây là sắc. Nhưng cũng có trường hợp mình quán chiếu uẩn, xứ, giới, đế mà qua phương diện chế định, có nghĩa là qua cách nhìn thông thường.

Thì chỉ cần có lòng nhàm chán, sợ hãi, không còn đắm đuối, không còn thương thích, thì dĩ nhiên nó không còn ghét sợ. Và khi không còn thương thích, ghét sợ thì đó chính là giải thoát, chỉ vậy thôi. Nói một cách khác, có lúc thì Ngài phân tích một cách chuyên môn giáo lý, có lúc Ngài phân tích theo cách dung dị, bình phàm, bằng ngôn ngữ đời thường cho người không có giáo lý.

Thì hôm nay trong bài Kinh 61 này, học những đề tài quán niệm rất là gần gũi với mình, thì có nhiều cách, chẳng hạn như là ở đây:

Tưởng bất tịnh

Tưởng bất tịnh là quán chiếu thân này lúc sống thì gồm toàn 32 thể trước, mà lúc chết thì theo thời gian mà biến hoại qua nhiều tình trạng phân hủy. Lúc mới chết thì nó lạnh ngắt, nó cứng đờ, rồi thêm ít lâu nữa bắt đầu nó sinh trương bốc mùi, rồi nó rỉ chảy nước vàng, nước xanh, rồi theo thời gian thì cái bụng nó vỡ ra, nó tuôn ba cái thứ nội tạng ra, rồi từ từ bắt đầu nó khô quắt, teo tóp, rồi bắt đầu nó chỉ còn lại là

xương. Và xương lúc đầu là nguyên bộ, rồi dần dần nó rời rã từng lóng, từng khúc, rồi cứ vậy mà nếu trong tình trạng không có được bảo quản tốt thì xương nó sẽ mau mục hơn, và cuối cùng đến một lúc mà nó trở thành ra là bột trắng như vôi.

Đó là kết cục của một xác người, mà ngày xưa thì lúc còn sống thì mình chăm sóc từ cái răng, từng sợi tóc, từng cái móng, từng vết sẹo, từng cái mụn, cái nhọt lớn bé. Tới hồi bây giờ nó tắt thở rồi thì nó có mặt trên hành trình về đất theo lối đó.

Đó là Tướng bất tịnh. Mà cái Tướng bất tịnh đây có cái lợi gì? Nó có nhiều cái lợi lắm. Cái lợi thứ nhất là khi mình coi nhẹ được cái thân này thì mình sẽ coi nhẹ bao nhiêu thứ ngoài ra. Sở dĩ mình ham danh, ham lợi, ham tiền, ham quyền là bởi vì mình dựa vào cái thân này, coi nặng cái thân này, coi nặng cái hình hài này, coi nặng sự hiện hữu này, thì mình mới bắt đầu, nó mới có ra cái nhánh khác. Cái gốc là thân, mà cái nhánh là cái đam mê này nọ.

Khi mà cái thân này nó được mình quán chiếu thường trực, thiền thường trực, thường xuyên và liên tục thì buổi đầu, một hai ngày đầu, một hai tuần đầu, một hai tháng đầu, thì nó không có... lắm, nhưng bắt đầu 6 tháng, 8 tháng, 10 tháng, 1 năm, năm rưỡi, hai năm, nếu mà liên tục thường xuyên thì lúc đó dần dần mình coi nhẹ được cái thân này. Mình chăm sóc nó như là người ta chăm sóc một vết thương. Không phải là mình yêu mến gì cái vết thương, mà bởi vì đó là nhu cầu tự nhiên thì phải chăm sóc cho vết thương nó lành, để cho mình đừng có khổ nữa. Thì cái thân này cũng vậy, sẽ có một ngày mình chăm sóc nó như là người ta chăm sóc một vết thương vậy đó.

Hoặc là nó còn ghê gớm hơn là mình nhìn về cái thân này, nó giống như là một người mà chết đuối trên biển, mà phải vịn vào một cái xác trôi để mà vào bờ. Thì sẽ có một ngày hành giả thấy ra cái thân này nó đúng là một cái xác trôi mà mình phải dựa vào nó để mà mình tiếp tục sống đời, để mà hoàn tất các nhiệm vụ, các bổn phận với gia đình, với xã hội, bổn phận với bản thân.

Bốn phận với gia đình, với xã hội là mình làm chồng, làm vợ, làm cha, làm mẹ, làm thầy, làm trò. Còn bốn phận đối với bản thân là mình phải tu tập. Thân người khó được, Chánh Pháp khó gặp. Khó được thân này, gặp được Phật Pháp thì ráng dùng nó làm phương tiện để mà tu tập. Thì lúc đó thật sự mình coi nó như là một cái xác trôi mà mình phải vin vào, vin tựa, phải dựa, phải nắm, phải níu để mà vào được cái bờ giải thoát.

Đó là tướng bất tịnh, cái này quan trọng lắm. Coi nhẹ nó thì coi nhẹ được tất cả những thứ ngoài ra.

Niệm chết

Thứ hai là Niệm chết, tức là luôn nhớ rằng vinh-nhục, sang-hèn, trí-ngu đến mức nào thì cũng có lúc về đất như nhau. Thì cái tác dụng của việc suy niệm cái chết nó cũng giống như là việc suy niệm thân bất tịnh, có nghĩa là khi mà bà con còn có một cái ý lại, có một cái dễ người, là mình còn sống lâu, thì mình còn đầu tư, mình còn toan tính, còn sách hoạch, còn kế sách này nọ lâu bền. Nhưng mà khi mà mình thường xuyên nghĩ về cái chết thì mình sẽ có một kiểu sống rất là minh triết, tức có nghĩa là khi nghĩ nhiều về cái chết thì ta sẽ sống với cái gì thật sự cần thiết mà thôi. Cái này là cái quan trọng lắm.

Ngày trước chạy theo cái thích, bây giờ chỉ còn lại cái cần thôi. Nhờ vậy ta có nhiều thời gian sống thiện, mà càng sống thiện thì càng an lạc. Đây là

Một cái chuyện rất là logic, rất là toán, rất là khoa học. Khi mà mình gọi là không còn chạy theo cái thích nữa, thì mình chỉ còn lại có cái cần, mà cái cần luôn ít hơn cái thích. Cái này tôi hứa, cái này bảo đảm. Do đó ta có thể tiết kiệm rất là nhiều thời gian.

Mà thời gian để làm cái gì? Thời gian để sống thiện. Mà càng sống thiện thì càng an lạc. Đây là một cái chuyện rất là khoa học, ai cũng có thể thấy được cái chuyện này. Dầu các vị không phải Phật tử, các vị phải đồng ý chuyện này.

Sống thiện là sao? Sống thiện tức là với mình không có gì để mà cắn rứt, mà với người thì giúp được thì giúp. Đó là gọi là sống thiện. Lúc đầu thì sống thiện qua thân, khẩu, không làm hay nói gì bậy bạ, sai quấy; sau cùng thì với cả những cái suy nghĩ bất thiện cũng giảm dần.

Tất cả đều nhờ vào cái đề mục gọi là niệm tưởng về cái chết. Khi sống bằng cái tâm trạng của một cái người tử tù, của một cái người bị cái chứng nan y phút cuối, giai đoạn cuối, thì tự nhiên ta sẽ có thời gian và có điều kiện tâm lý để mà chúng ta ngẫm nghĩ về nhiều cái điều, nhiều cái lẽ sống minh triết mà xưa giờ ta không có dịp, chỉ vậy thôi. Khi sống bằng cái tâm niệm của một kẻ tử tù thì ta có điều kiện tâm lý để mà đối diện với những cái suy tư minh triết, thấu đáo, rõ ràng hơn. Chuyện này là chuyện cũng rất là toán, rất là khoa học, nó rõ ràng như vậy.

3. Tưởng nguy hại

Tưởng nguy hại là xét rằng cái gì ở đời cũng có mặt trái. Đắng với ngọt là hai mặt của đồng tiền, trẻ với già, khỏe và bệnh, đẹp và xấu, còn với mất, vui với buồn. Tưởng nguy hại là vậy, là xét rằng cái gì ở đời cũng có mặt trái, tức là luôn luôn xét cuộc đời qua cái kiểu suy tư như vậy.

Hãy nhớ dùm tôi, thích và ghét là một cặp, vui với buồn là một cặp, sạch dơ, sáng tối, trong ngoài, dài ngắn, trẻ sớm, khóc cười, giọt lệ và nụ cười, bông hoa và gai góc, đắng và ngọt, tất thấy trong đời sống này nó đều là hai mặt của một đồng tiền. Chúng ta không thể nào chọn cái này mà chúng ta chối từ cái kia. Chuyện đó không thể được. Không thể nào trên đời này có một cái đồng tiền mà chỉ có một mặt. Huy chương nào cũng có cái bề trái. Đây là tưởng nguy hại.

4. Niệm tưởng về bản chất đáng gớm của thực phẩm

Niệm tưởng về bản chất đáng gớm của thực phẩm mình vẫn ăn uống mỗi ngày. Ta sống bằng cái gì thì bản chất sinh học của ta cũng tương tự thế.

Quán tưởng thực phẩm đáng gớm ở đây là xét về nguồn gốc, chất liệu, cái việc kiểm ăn, chế biến, bảo quản, tiêu thụ và tiêu hóa, bài tiết, là một cái hành trình đáng sợ, đáng gớm.

Thí dụ như bây giờ mình thấy những cái món ăn mà xuất phát từ động vật, nếu mà chưa được chế biến, mà không được bảo quản nữa, thì trong vòng một vài giờ đồng hồ, một ngày, hai ngày là nó tanh thúi cỡ nào. Rồi tiếp theo nữa là trong cái quá trình chế biến, nấu nướng, là nó tanh hôi mà mình làm bếp mình phải rửa tay. Rồi tới cái quá trình mình tiêu thụ, tiêu hóa và bài tiết, đó là cả một cái hành trình mà nếu mà một người hành giả mà có ba-la-mật thì họ nghĩ tới cái đó họ ngán thiệt.

Các vị tướng tượng, các vị ở trong nước, ở ngoài nước thì có lẽ hơi có một điểm khác nhau là về cái chuyện đồ rác. Ở hải ngoại thì họ có cái chuyện là phân loại rác, đặc biệt là Thụy Sĩ với Đức nó có chuyện phân loại rác: là rác thực phẩm, rồi rác tái sinh, thí dụ như là nhôm, nhựa, sắt thép, giấy, ni lông gọi là rác recycle. Rồi rác thực phẩm bên Đức, Thụy Sĩ kêu là rác capote, có nghĩa là thí dụ như đầu tôm, xương, tép, rau cải, củ quả, v.v...

Mà các vị biết, rác gì chứ còn rác thực phẩm là trời đất ơi, nó hôi không có tướng tượng được. Cách đâu có hai tiếng đồng hồ, mình đi chợ mình thấy cái này ngon, cái kia đẹp, cái này bổ, cái nọ rẻ. Hai tiếng đồng hồ sau mình về, cái nào giữ được thì giữ để xào nấu, còn cái nào cắt bỏ thì cắt bỏ. Mình đi dồn hết mấy cái đó lại, mình tổng vô trong một cái thùng, lúc đó mình mới thấy rằng cái thức ăn của mình nó đáng gớm cỡ nào.

Tức là cách đây hai giờ đồng hồ, mình trân trọng từng món, từng món chay, món mặn. Bây giờ mình cắt, mình tĩa, mình gọt, mình chọn lọc ra, thì mình thấy trời đất ơi, nó khủng khiếp như thế nào. Nó khủng khiếp lắm.

Cho nên rồi chưa hết, đó là quán tưởng gần. Còn quán tưởng xa là mình thấy rằng để có được một cái gọi là một cái miếng ăn là chúng ta phải đổ mồ hôi, nước mắt, rồi

bao nhiêu gọi là nhục nhã, công khó, mồ hôi, nước mắt, có khi cả máu nữa, có khi phải liều mạng nữa mới có được cái đồng tiền để mà mua thức ăn. Rồi đem về, rồi mua được cái thứ mà mình muốn thì không nói gì; còn nhiều khi mình mua đồ độc hại về là chưa kể. Nói chung cả một cái hành trình kiếm sống nó nhiều khê lắm.

Mà cái này Kinh nói chứ không phải tôi nói, tức là suy xét cái nguồn gốc, cái hành trình bắt đầu của một món ăn nó đi từ đâu. Nó đi từ máu và lệ, từ mồ hôi và nước mắt, từ thức khuya dậy sớm, một nắng hai sương, tần tảo nắng mưa, xong rồi mới về mới có món ăn.

Mà tưởng sao nó cũng phải sạch sẽ thì không nói gì, hôi hám, tanh tưởi rồi mới chế biến; rồi mới tổng vô cái mồm nhai nuốt cái ực. Nó chỉ ngon có khoảng chừng hơn một tắc thôi, ở miệng mình.

Vì cái hành trình hơn một tắc đó của lưỡi mà chúng ta phải làm lụng để kiếm được cái món vừa miệng, nó thơm thơm, nó béo béo, nó bùi bùi, nó chua chua, nó đắng đắng, nó ngọt ngọt vậy đó. Chỉ vì có khoảng một tắc đó, chúng ta làm đủ cách để có.

Được cái món vừa miệng, mà khi nó qua khỏi cổ họng rồi thì nó không còn ngon nữa, mà lúc bấy giờ nó lại chuyển qua cái đáng gớm.

Tôi nói nhiều lần, một cái món ăn do chính mình bỏ bạc triệu ra để mình mua, rồi chính mình gọi là nhai nuốt, rồi vì lý do nào đó mình mửa trở ra, mà đó là món ăn cả bạc triệu, mình cũng không có khả năng mà nuốt trở vô, chứ đừng có nói là của người khác họ mửa ra.

Ăn xong mà nhìn vô cái miệng mình, miệng người mà còn dính một chút xíu đồ ăn, nó dính một chút xíu rau là mình đã gớm le lưỡi rồi, gớm xanh mặt, thì nói gì mà mình quan sát được cái chỗ của nó mà trong cơ thể mình, mình ớn cỡ nào.

Mà tại sao Đức Phật Ngài dạy phải quán tưởng cái này? Là bởi vì có người họ quán về tử thi họ ngán, quán về cái gì trừu tượng siêu hình họ cũng ngán, nhưng mà quán

tưởng về thực phẩm nó gần với họ, họ lại thấy hợp. Nhờ quán tưởng về thực phẩm, cái nguồn sống thiết thân với mình mỗi ngày, mà hành giả từ từ mới sanh cái tâm chán sợ cái xác thân này; từ cái chán sợ mới đi đến cái chuyện coi nhẹ nó; mà từ cái chuyện coi nhẹ nó thì nó mới dẫn tới cái chuyện là mình coi nhẹ những thứ ngoài ra, như thị phi, khen chê, quyền lực, rồi tranh nhau chỗ ngồi, chỗ đứng, tranh nhau chút xíu mặt mũi sĩ diện.

Tất thấy những cái đó nó đều đi ra từ cái chỗ mình coi nặng cái thân này. Chứ nếu mà mình xem nó là cái xác trôi mình vin vào nó để mà mình vào bờ thì có lẽ là tình hình nó khác đi nhiều lắm.

Cho nên là mới có cái pháp quán niệm là ghê tởm các thực phẩm là vậy đó.

Quán tưởng về sự đáng chán của tất cả thế giới

Cõi nào cũng là ngôi nhà đang cháy. Cõi khổ thì khổ trực tiếp dễ thấy; cõi lành thì khổ vi tế khó thấy, nhưng cuối cùng cũng kết thúc trong cái chết của mỗi cá nhân.

Sớ giải còn ghi rằng cứ quán tưởng thấy cõi nào cũng không giúp chúng sinh thỏa mãn (ughan ditha), đó chính là khía cạnh đáng chán của cảnh giới.

Bây giờ mình có về cái cõi Dục thiên hay là Phạm thiên đi nữa, sống sướng thiệt. Trên đó không có máu và lệ, không có gai góc, không có hăm hố, không có bon chen, không có đấu tranh, không có chém giết, không có giành giật, không có mâu thuẫn, không có xung đột. Đúng. Nhưng mà rồi thì sao? Sống hết trên đó rồi thì sao? Cũng phải quay trở về thôi.

Cõi lành nào thì cũng giống như cái chỗ dừng chân của một cái đám tù nhân hay bệnh nhân chờ giải phẫu.

Không biết các vị có biết chuyện này không, có nghĩa là trước khi mà người ta đưa mình vô phòng mổ, người ta đẩy mình vô mấy cái hành lang bệnh viện, thì có nhiều khi cái chỗ họ đang đẩy vậy rồi cái thang máy nó đầy, người ta phải để cho mình ở đó

mình chờ một lát thang máy nó trống họ mới đẩy mình vô cũng có. Hoặc nhiều khi đang trên đường đi vậy đó, đi ngang những chỗ hành lang mà đẹp. Đẹp là hành lang có gió mát riu riu, có cái thảm cỏ xanh mướt, có mấy cái bụi hoa hồng này nọ.

Nhưng mà hơn ai hết, cái kẻ mà nằm ở trong cái giường đẩy hay cái brancard, họ biết rất rõ là vài phút nữa thôi họ sẽ vào phòng mổ, sống chết chưa rõ. Và đêm nay, khi mà thuốc mê nó hết, họ sẽ phải đối diện với một cái vết thương chưa kịp lành. Rồi thì không biết ca mổ này dữ nhiều... khó nói. Và có nhiều trường hợp là khám là khám vậy thôi, nhưng mà sau khi giải phẫu mới biết chính xác là mình bị cái gì, cứu được hay không. Có trường hợp đó.

Thí dụ họ nói mình bị vấn đề về gan đi, nhưng mà tới lúc mà bắt tay vào mổ, người ta mới biết là cái bướu này mà không lấy ra là chết, thì cái chuyện đó là cái chuyện khác.

Cho nên là tất thấy những cái trạm dừng ở trên cái bước đường mà đi đến cái phòng mổ, đầu nó đẹp cách mấy thì nó chỉ là trạm dừng của một bệnh nhân chờ giải phẫu. Hay là mấy người tù mà chờ chuyển trại, thì coi như họ có thể nhìn thấy một cái khuôn viên trồng hoa của nhà tù, hay là họ được chở đi trên những chiếc tù xa, chiếc xe mà chở tù đi bằng qua những cái phong cảnh rất là đẹp. Nhưng mà rồi thì sao? Nó đẹp có một chút đó thôi. Lát nữa đây, khi mà tới cái chỗ giam mới thì họ tổng mình vào cái xà lim, tổng mình vào cái chuồng cọp, tổng mình vào cái phòng biệt giam là cũng tối mù như hũ nút.

Cho nên là tất thấy những cũi lành nào nó cũng giống như chỗ dừng chân, một đám tù nhân hay là bệnh nhân chờ giải phẫu vậy thôi, chứ không có cái gì hết.

Mà tại quý vị không có tin, người không có ba-la-mật thì không có thấy được cái này. Cứ tưởng là mình làm phước ba mớ, một tháng vậy vô chùa nghe Pháp 2 lần, hoặc là 4 ngày chủ nhật, rồi lâu lâu cũng có trai tăng, dâng y nào mình cũng có phần, cũng có

cái đội lên đầu ê a với người ta, rồi nhập hạ, rồi Vu Lan, rồi Tết nào cũng đi chùa, vậy là tu chứ còn gì nữa, mình tưởng vậy.

Nhưng mà không. Phải thường xuyên liên tục sợ hãi cái sự có mặt trong cuộc đời này, chứ còn không phải là lâu lâu làm phước lai rai, lai rai cái đó gọi là tu thì không phải đâu quý vị. Phải thật sự là sợ hãi, thấy rằng không biết mình sống nay chết mai, đi lúc nào, chết rồi sẽ đi về đâu?

Mà cái này mới rùng rợn nè: kiếp sau làm gì còn nhớ lại kiếp này. Kiếp này tắt thở hoặc hôn mê trước khi chết, nghĩa là mọi thứ kết thúc. Nó rùng rợn ở chỗ đó, chứ nó không phải là một cái sự liên tục. Có nghĩa là hồi đó giờ mình ở Đà Lạt 5 năm, rồi giờ mình chuyển về Nha Trang. Cái lúc mà về nhà mình nhớ rõ là 5 năm ở Đà Lạt nha, bây giờ mình về Nha Trang nha.

Năm tới là bắt đầu cả gia đình đi định cư nước ngoài nha. Dòng luân hồi nó không có êm như vậy đâu quý vị. Mà kiếp này mình tắt thở rồi là mình đâu có biết gì nữa. Coi như mình có mặt vào trong một cái hành trình mù mịt. Mai sau mà chứng Thánh, có thần thông nhớ lại; nếu không thì coi như ta chỉ có một đời này thôi, sau đó là một cái hành trình mù mịt. Nhớ cái đó khiếp vậy đó. Kiếp sau làm gì nhớ được.

Còn cái chuyện nói ai đó nhớ được kiếp trước, cái chuyện đó là một trên nhiều tỷ, nhưng mà chỉ nhớ được có chút xíu thôi quý vị à. Nhớ chút xíu đâu có nghĩa lý gì hết, gọi là miên viễn biên biệt!

Nghĩ đến chỗ này mới thấy sợ tái sinh. Cơ hội làm trùn, dế, dòi, bọ luôn nhiều hơn cái cơ hội nhân thiên hưởng phúc. Nhớ cái này, nghĩ cái này mới thấy run.

Thì đây là năm phép quán tưởng mà Đức Phật Ngài dạy rằng khi mà tu tập làm cho sung mãn thì sẽ đem lại quả ích lớn, quả báo lớn. Là vì sao? Thường xuyên luôn nhớ năm đề mục này ta sẽ sống tốt hơn. Chỉ vậy thôi.

Kinh Các Tướng

Cũng giống Kinh 61.

Kinh Tăng Trưởng

Kinh nói về năm pháp tu tập: Chánh tín, Giới hạnh, Đa văn, Bố thí, Trí tuệ.

1. Chánh tín: là cái niềm tin có trí tuệ, tin vào ba cái điều sau đây:

Tin lý nhân quả.

Tin nguyên tắc tam tướng.

Tin tác dụng của Tứ Niệm Xứ: nếp sống có Chánh niệm và Trí tuệ.

2. Giới hạnh: là thu thúc thân và khẩu, không nói hay làm những gì hại mình, hại người, gọi là Giới.

3. Đa văn: là lưu tâm các cái vấn đề Giáo lý, vì thân người khó được, Chánh Pháp thì khó gặp, cơ hội mà học hỏi lời Phật rất là hiếm hoi. Hiểu được một tí thì đời ta thay đổi được một tí. Đây là lý do vì sao mà ta phải Đa văn.

4. Bố thí: là khả năng chia sẻ vật chất đến kẻ khác do thương người và cũng do muốn không nắm níu, chấp giữ sở hữu.

Người mà biết Đạo sẽ thấy cho nó vui hơn nhận. Nhận chỉ được vui một lần, cho thì vui nhiều lần. Nhận thì chỉ có ta vui, cho thì ta và người nhận đều vui.

Đời sống là một hành trình, càng buông bỏ thì càng nhẹ nhàng. Nó quan trọng cái chữ Bố thí. Bây giờ quý vị phải hiểu tại sao mà Đạo Phật kêu phải Bố thí. Nói Bố thí là có phước, nói như vậy là nó nghèo dữ lắm! Mà bởi vì Bố thí đó là cái khả năng chia sẻ vật chất đến kẻ khác do hai cái điều kiện sau đây:

Một là do mình thương người.

Và do không có muốn chấp giữ cái vật chất sở hữu.

Mà đặc biệt là người hiểu Đạo họ sẽ thấy rằng cho nó vui hơn nhận. Không ai để ý cái chỗ đó, cái đó nó quan trọng lắm. Người cho sẽ thấy rằng cho nó vui hơn nhận. Là vì sao? Vì nhận chỉ có ta vui thôi và chỉ có vui được một lần này thôi.

Còn cái cho thì sao? Khi mà ta có lòng ta cho, thì ta cho ta vui mà cái người nhận nó cũng vui. Nó đã là nó đã chỗ đó. Chưa hết, khi ta nhận, ta chỉ có vui được một lần thôi, nhưng mà khi ta cho, ta vui được bây giờ và vui được sau này nữa. Vui với nhân lành và quả lành. Cái vui này cũng diễn ra nhiều lần, đó là cái quả báo của Bồ thí. Phải hiểu như vậy mới thấy nó sâu, chứ còn mà lơ mơ lơ mơ thì nó nghèo lắm.

Nhiều lần và rất nhiều lần, tôi nói quý vị cho tôi một cái món đồ trị giá là 100 ngàn, đó là chiếc xe, thí dụ nó như vậy. Tôi được chiếc xe tôi vui thiệt đó, nhưng mà tôi hứa với quý vị, trong vòng hai năm, ba năm cho tới năm năm thì cái vui đó nó giảm dần. Là bởi vì chiếc xe tôi chạy lâu ngày tôi cũng quen đi, rồi chưa kể tôi gặp những chiếc khác nó tốt hơn, rồi chưa kể chiếc xe tôi ngoài cái quen ra nó còn bị trầy xước, rồi nó bị cũ kỹ, rồi nó bị ho hen, cảm mạo, sổ mũi. Xe mà, cơ khí máy móc mà, cũng phải cảm mạo sổ mũi chứ. Cuối cùng bắt đầu tôi đâm tôi nản nó.

Trong khi đó, cái niềm vui của cái việc mà tôi Bồ thí thì tôi nhớ hoài. Tôi đào được ba cái giếng, tôi làm được ba bốn con đường ở bên Miến Điện, rồi tôi nhớ tôi có chạy điện nước gì cho mấy cái Thiền viện, mấy cái Học viện. Thì gom lại chưa tới 100 ngàn, nhưng mà đó là một cái chỗ xứng đáng để mà tôi cúng dường, đó là cái chỗ xứng đáng! Thì tôi cúng tổng cộng là 50 ngàn đô la thôi, nhưng mà tôi hứa với quý vị, tôi sẽ vui từ đây mà cho tới ngày tôi chết.

Mỗi lần mà tôi nghe nói tới giếng nước, cầu đường, điện đóm là tôi vui. Tôi vui coi như 20 năm, 30 năm, 40 năm. Tôi còn sống là tôi còn vui, mà tới ngày tôi ngáp ngáp ở trên giường chết tôi cũng còn vui.

Còn cái chuyện mà quý vị cho tôi một món quà, lúc tôi nhận thì tôi đã thiệt đó, nhưng mà tôi hứa với các vị, chừng ba năm, năm năm là cái vui đó nó phai phôi. Mà trong

khi đó, những cái việc lành mà tôi làm thì cả đời này nhắc tới là tôi vui hoài. Cái niềm vui đó không bao giờ cũ. Niềm vui của cái nhân lành không bao giờ cũ.

5. Trí tuệ: là cái khả năng nhận thức để thấy được ba vấn đề của Chánh tín: lý nhân quả, lý tam tướng, thấy gì cũng do duyên sinh và cũng do duyên mà diệt, và thấy được cái tác dụng của Tứ Niệm Xứ. Đây là Trí tuệ.

Tức là mình giải thích làm sao mà cái Chánh tín với cái Trí tuệ nó ăn với nhau. Chánh tín là niềm tin có Trí tuệ, là sao? Là tin vào ba cái điều sau đây. Rồi tới lúc mình giải thích về Trí tuệ, mình lật ngược nó lại. Trí tuệ là gì? Trí tuệ là thấy được ba cái vấn đề của Chánh tín.

Cho nên tôi nói hoài, Thánh nhân khác phàm phu ở điểm là tin chắc vào cái điều mình thấy, và thấy rõ cái điều mình tin. Phàm phu không được vậy, nên cái gì cũng chỉ ở cái mức nửa vời. Vì sao? Là vì Thánh nhân thấy rõ cái điều họ tin, mà phàm phu thì vì thấy không có rõ lắm cái điều mình tin, cho nên không tin lắm cái điều mình thấy.

Đây là toán. Nguyên tắc này rất là rõ ràng, ai cũng phải chấp nhận đây là nguyên tắc: vì anh thấy không có rõ lắm cái điều anh tin thì làm sao mà anh tin chết bỏ cái điều anh thấy được? Còn Thánh nhân là người ta thấy rõ mười mười cái điều người ta tin, cho nên là người ta tin chết bỏ cái điều mà người ta thấy.

Mình tập làm sao mà Phật Pháp nói ra nó phải chặt chẽ như vậy. Tức là khi mà Trí tuệ nó không có đi đôi với nhau, nó khó lòng lắm.

Kinh Tăng Trưởng

Kinh 64 giống Kinh 63.

Kinh Nói Chuyện

Tỷ-kheo thành tựu Ngũ uẩn pháp thân và đủ sức đối đáp về cái sở chứng của mình, thì được gọi là bạn đồng trú khả kính của Tăng chúng.

Thế nào là Ngũ uẩn pháp thân?

Ngũ uẩn sắc thân là sắc, thọ, tưởng, hành, thức; còn Ngũ uẩn pháp thân là Giới, Định, Tuệ, Giải thoát và Giải thoát tri kiến. Giải thoát ở đây là Thánh Đạo, Thánh Quả; còn Giải thoát tri kiến ở đây là Trí phản quán, tức Trí tuệ nhìn lại những gì mình đã chứng ngộ. Quán ở đây là nhìn, không phải kháng là chống đối, giống như quán giả vậy đó.

Một vị Tỷ-kheo mà thành tựu Ngũ uẩn pháp thân là sao? Là vị đó có được Giới, Định, Tuệ, Giải thoát và Giải thoát tri kiến, mà đồng thời cũng có khả năng đối đáp về cái sở chứng của mình cho bạn tu.

Mà tại sao cái chuyện này quan trọng như vậy? Đối đáp như vậy cũng là cách hỗ trợ người khác về lý thuyết hành trì, chứ không phải là mình tu rồi mình đi mình nổ, mình khoe ra mình đã đắc cái gì, thì không phải. Nhưng mà mình phải có khả năng nói lại cái Con đường mà mình đã đi qua, để làm chi? Cái chánh yếu là giúp cho người khác. Cái này quan trọng lắm. Chớ còn mà khi sở chứng của ta chỉ là ba mớ nửa vời thì ta không thể đối đáp trôi chảy được. Chỉ có Thánh trí thứ thiệt mới làm được cái việc ấy. Khi mà đã là thứ thiệt rồi thì dầu vị đó không có tinh thông Kinh điển đi nữa, nhưng mà họ nói cái nào là nó chắc khừ cái đó vậy đó, bởi vì họ đã đi qua con đường đó mà.

Kinh Đời Sống

Kinh giống hệt Kinh 65.

Kinh Thần Thông

Kinh kêu gọi tu tập Bốn Thần túc và Chỉ Quán.

1. Dục như ý túc, Dục thần túc: là ý muốn thiết tha mãnh liệt trong việc tu tập.

2. Cần thần túc: là cái sức nỗ lực không có chùn bước khi mà tu tập.

3. Tâm thần túc: nghĩa là tu tập với cái trình độ thiện Dục giới, hay thiện Đáo đại, thiện Siêu thế. Có nghĩa là tùy thuộc vào cái trình độ tâm thức của mình lúc tu tập mà chúng ta có được cái thành tựu cao thấp như thế nào.

Chữ tâm ở đây giải thích theo A-tỳ-đàm là như vậy đó, gọi là tâm javana, tâm đồng lực. Cái chỗ này không học A-tỳ-đàm thì tôi ráng lắm tôi giải thích cho quý vị hiểu mơ hồ thôi, chớ học A-tỳ-đàm thì chỗ này nó rất là êm, rất là dễ hiểu.

Bây giờ mình quay trở lại Dục như ý túc, tức là cái ý muốn thiết tha mãnh liệt trong chuyện tu tập. Có nghĩa là các vị mà kiểu xiu xiu ẽnh ẽnh, tu cái kiểu mà ầu ơ, thấy hay hay thì cũng đi tu; có nghĩa là chính mình không có xác định được cái lý tưởng, cái mục đích của mình thì cái muốn của mình nó không có mạnh được. Mình phải có một cái ý muốn thiết tha mãnh liệt trong cái việc tu tập, tức là dốc lòng, dốc sức. Có dốc lòng thì mới có thể dốc sức.

Cần thần túc: cái thứ hai có nghĩa là bên cạnh cái việc mình có ý muốn thiết tha, mình phải có một cái khả năng tinh tấn nỗ lực phải nói là rất ráo, triệt để, sông cạn đá mòn. Có nghĩa là như mình thấy lúc Ngài ngồi dưới cội Bồ-đề, sau khi mà nhận bát cơm của nàng Sujātā, thì Ngài về dưới gốc Bồ-đề, Ngài ngồi một mình. Ngài có phát nguyện như thế này: Dầu mà thịt, xương của Ta mà nó có tan nát, máu thịt da có khô đi thì Ta cũng không có rời khỏi chỗ này nếu mà Ta chưa thành tựu Chánh Quả.

Cái sức tinh tấn kinh khủng như vậy. Và làm ơn nhớ dùm, không phải chỉ có kiếp cuối cùng Bồ-tát mới có cái sự nỗ lực, mới có cái Dục như ý túc và Cần như ý túc mãnh liệt như vậy, mà Ngài đã từ vô lượng kiếp. Những gì ta thấy ở Bồ-tát Tất-đạt kiếp chót đã được chính Ngài trải qua nhiều lần trong vô số tiền kiếp. Cái chuyện mà Ngài ở dưới gốc cây rồi nguyện là thà chết chứ cũng không có bỏ đi, là đã nhiều lần như vậy, nhiều lần như vậy chứ không phải chỉ có kiếp chót mới ghê gớm như vậy. Đã nhiều lần trong kiếp quá khứ, Ngài coi cái mạng của Ngài không có là cái gì hết,

miễn là cầu được cái Phật Đạo vô thượng, gọi là thượng cầu Phật Đạo mà hạ hóa chúng sinh: trên là cầu Phật Quả Bồ-đề, dưới là tế độ quần sanh thoát cái biển sanh tử.

Và cái hạnh nguyện đó, Bồ-đề tín, Bồ-đề hạnh, Bồ-đề nguyện ấy đã được Ngài nuôi dưỡng trong vô số kiếp, chứ không phải chỉ có kiếp chót Ngài mới tu hành cái kiểu bạt mạng, liều mạng như vậy đâu, mà đã vô số kiếp như vậy.

Trong Kinh nói máu và lệ mà Ngài đổ ra cho những cái gian nan ở kiếp trước là nhiều như sông, như suối, nói theo nghĩa đen đó, chứ không phải nói theo nghĩa bóng là sông suối có nghĩa là nhiều, không phải. Mà thiệt ra nếu gom lại là nhiều thiệt như sông, như suối vậy đó. Những cái khó khăn, những cái mồ hôi, những máu me mà Ngài đổ ra cho Phật Đạo trong vô lượng kiếp nó nhiều như vậy đó.

Cho nên Tây mới nói một câu: “Muốn có được cái khó được phải làm cái khó làm. Muốn có được cái không ai có được, mình phải làm cái chuyện không ai dám làm.”

Mà các vị tưởng tượng, sẵn ở đây tôi nói luôn tại sao cái lý tưởng Bồ-tát đạo không được nói nhiều ở Kinh điển Nguyên Thủy như ở Kinh điển Phật

Rất là đơn giản. Tại sao mà cái lý tưởng Bồ-tát đạo ở Kinh điển Pāli thì rất là mờ nhạt, gần như cái chuyện thành Phật là vấn đề bỏ ngỏ trong Kinh điển Nguyên thủy, là vì sao? Là bởi vì Phật thấy rất rõ: trong muôn triệu ngàn tỷ người mà cầu giải thoát, chỉ có một người đủ sức để theo đuổi cái con đường gọi là Phật đạo mà thôi. Ngài thấy rõ cái điều đó.

Ngài thấy rõ trong hàng tỷ người mà cầu giải thoát thì chỉ có một người đủ sức thôi. Nó giống như là trong bao nhiêu sinh viên mà đi học đại học, chỉ có vài mạng trong đó, tính theo phần trăm là nhiều khi chưa được một phần trăm nữa. Trong hàng triệu thanh niên, sinh viên chuyên ngành trên toàn cầu, ở các quốc gia, ở các chuyên khoa, thì trong hàng triệu sinh viên mà ra trường mỗi năm trên toàn cầu, ở các quốc gia, chỉ

có một phần trăm hoặc là dưới một phần trăm người khó khăn được giải Nobel hoặc là trở thành tỷ phú đô la.

Cho nên không hề có cái trường nào mà đào tạo riêng biệt cho mấy ông tỷ phú, mấy người học giả, mấy ông bác học Nobel gì đó. Không bao giờ có. Có trường nổi tiếng thì có, nhưng mà để bảo đảm anh sẽ trở thành tỷ phú đô la, hay trở thành cái người mà nhận được giải Nobel, thì theo tôi biết không hề có cái trường nào hết. Là vì sao? Nếu mà anh có cốt khí, anh có cơ địa, cốt khí ngon lành, thì anh cứ học y chang như người ta rồi tự nhiên anh sẽ tung cánh chim tìm về trời rộng một mình anh. Còn nếu không, anh cứ sần sần tầm tầm như lũ chúng nó, tà tà như cái lũ chúng nó. Chứ không hề có cái trường nào đào tạo ra mấy cái người Nobel, trường nào tạo ra mấy người tỷ phú. Chuyện đó không có.

Ở đây cũng vậy, Phật ba đời chỉ dạy 37 Phẩm Bồ-đề. Người có cái cốt khí cơ địa thành Phật thì cũng chỉ học và hành chừng đó, nhưng mà với cái tâm nguyện cầu Phật đạo. Kẻ có cái tâm cơ kém hơn thì hành Độc Giác, tự ngộ và không có đệ tử. Kẻ kém nhất thì thành Thanh Văn. Trước sau Bồ-tát đạo cũng chỉ là 37 Phẩm Bồ-đề mà thôi. Chỉ là như vậy thôi.

Cho nên bữa nay mình học về Bốn Thần túc, sẵn mình qua cái vấn đề Bồ-tát đạo. Có nghĩa là bây giờ các vị muốn thành Phật phải không? Cứ 37 cái này làm tới: Tứ Như ý túc, Tứ Chánh cần, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất Giác chi, Bát Chánh đạo, Tứ Niệm xứ. Cứ như vậy. Tất cả những cái hạnh lành như là Bố thí, Trì giới, Kham nhẫn, Tinh tấn, Thiên định, Trí tuệ đều đi ra từ con số 37 ấy. Tùy cái cơ địa, cốt khí của mỗi người mà chừng ấy hành trang đưa người ta về đâu.

Bây giờ tôi đưa cho các vị trong room này mỗi người 100 ngàn đô la, tôi xin thề là cái chỗ mà quý vị đi không có giống nhau. Có người thì đi du lịch, mua cái visa qua Âu Mỹ. Có người thì đi vòng vòng trong khu vực Đông Nam Á, Asia. Có người thì đi quần quanh ở trong nước. Mà đám trong nước lại chia ra nhiều phe. Có đám thì nó đi miền Bắc: Hạ Long, Ba Bể, Sa Pa, Hải Phòng, Quảng Ninh, Ninh Bình; đi ra tới Huế

cái nó hết, ra cho tới Phong Nha cái nó vọt trở vô. Rồi có đám tới Đà Nẵng cái ngưng luôn. Rồi có mớ ra tới Nha Trang, có mớ tới Phan Rang, Phan Thiết, Phan Rí. Có mớ thì vòng vòng Sài Gòn làm nhất dạ để vương trong vài bữa, cháy 100 ngàn đô la. Có đám thì vọt về miền Tây làm vua không ngai dưới miền Tây trong tuần lễ, nửa tháng, cũng hết sạch 100 ngàn.

Tùy. Cũng hành trang ấy, nhưng mà tùy cái cốt khí, cơ địa của mỗi người mà ta tiêu pha làm sao. Có người thì lấy 100 ngàn đó không chịu đi chơi mà bèn lấy đó làm vốn để mà làm ăn. Để 5 năm nữa, 10 năm nữa họ kêu tôi tới, họ trả lại 100 ngàn ấy, họ còn tặng tôi thêm 100 ngàn nữa và họ khoe rằng họ có nhiều lần cái 100 ngàn đó. Có cái người quái đản vậy đó, có cái người nó ngộ vậy đó.

Còn có người thì tôi nghe nói tôi cho 100 ngàn đi chơi, cái nó chơi sạch. Nhưng mà trong cái đám chơi sạch đó nó lại nhiều phe: có đám đi Âu Mỹ, có đám đi Đông Âu, Bắc Âu, Tây Âu, Trung Âu; có đám đi Bắc Mỹ, Nam Mỹ; có đám đi châu Á, mà Nam Á, Trung Á, Tiểu Á, Đông Nam Á; có đám đi trong nước mà ba miền hay là hai miền hay là chỉ có một miền; rồi có đám nó quần quần lòng vòng, lòng vòng mấy cái quận Sài Gòn là xong. Chứ đừng có tưởng là có 100 ngàn cho đi chơi rồi ai cũng đi giống nhau, thì cái đó tôi không có tin. May là đi chơi đó, mà đã đi không giống nhau rồi.

Tứ thần túc

Tứ thần túc là bốn nền tảng gây dựng đạo nghiệp ở các cấp độ khác nhau.

Một là Dục thần túc, có nghĩa là ước muốn mãnh liệt.

Số hai là Cần thần túc, có nghĩa là cái sức nỗ lực không có mệt mỏi.

Số ba là Tâm thần túc, có nghĩa là anh tu bằng cái tâm gì. Thí dụ như trong room mình là, theo tôi biết chính xác, trong room mình chỉ có tới thiện Dục giới, tức là Đại thiện thôi, chứ còn chưa có cái khả năng mà tu tập bằng trình độ của người đắc thiện hay là trình độ của một cái bậc Thánh nhân.

Bốn, Thẩm thần túc, tức cái khả năng trí tuệ.

Muốn hoàn thành sự nghiệp, ta phải cần đến bốn cái điều kiện sau đây:

Một là cái ước muốn mãnh liệt, lý tưởng được khẳng định từ đầu.

Hai là cái sức nỗ lực không có lui sụt, không biết lùi bước trước cái trở ngại.

Thứ ba là tâm thái ta có khi mà thực hiện sự nghiệp.

Thứ tư là khả năng chất xám ngon lành đến cỡ nào. Cái này quan trọng. Có nghĩa là anh ước muốn mãnh liệt, anh siêng lắm, anh cày như con trâu, nhưng mà tới cái số ba là cái tâm trạng của anh. Số ba là tâm trạng, số bốn là não trạng. Muốn hoàn thành một cái đạo nghiệp mà thiếu bốn cái này thì có nước đi ăn cám, chỉ biết đi ủi đất thôi, tôi nói.

Nặng lắm, nhưng đó là sự thật. Và coi như gọi là tất cả sự nghiệp ở đời, hay là cái đạo nghiệp trong Phật pháp, đến cả Phật đạo vô thượng cũng đều được xây dựng trên nền tảng bốn cái Thần túc này.

Thần túc là dịch thoát từ cái chữ iddhi, có nghĩa là lý tưởng, và pāda có nghĩa là nền tảng, là cơ sở. Như vậy iddhipāda là cái nền tảng hay là cơ sở cho mọi lý tưởng, mọi sự nghiệp đạo.

Mình kể Phật pháp tám muôn bốn ngàn bao la, nhưng mà lúc cần chỉ gom lại có bao nhiêu đây thôi:

Một là ước muốn mãnh liệt.

Hai là sức nỗ lực không biết mệt mỏi.

Ba là tâm trạng cao thấp, rộng hẹp, sâu cạn: dục hay là thiền hay là siêu thế.

Và bốn là cái não trạng, có nghĩa là cái chất xám của anh nó tới đâu.

Hơn nhau cái đầu. Bởi vậy tôi nhớ là ông Napoléon có hai câu nói liên quan điểm này: “Coi chừng ta chỉ có dài mà không cao”, có nghĩa là cái xác ta dài nhưng mà ta không có đủ chiều cao. Câu thứ hai là: “Chiều cao của một gã đàn ông tính từ vai trở lên”, nghĩa là cái đầu.

Ông nói hai câu rất là hay. Ông nói coi chừng ta không phải cao mà là ta chỉ có dài thôi. Dài là cái xác mình, thay vì tall mà này nó chỉ long thôi, long chứ không phải tall. Mà nhiều người không hiểu câu này, người ta tức, người ta nói: “Ừa, cái này là dài với cao nó bằng nhau.” Nhưng mà không có phải. Cái chiều dài là khi nào mình trải nó xuống kia mới gọi là dài, còn khi mình vịn nó lên thì mới tính chiều cao chứ...

Thứ hai nữa là cái chiều cao của một con người tính từ cái đầu trở lên, chứ không có tính từ vai trở xuống, bởi vì cái cao thấp nó nằm ở trong cái não trạng.

Cho nên muốn hoàn thành cái sự nghiệp ở đời hay là đạo nghiệp trong Phật pháp đều phải dựa trên cơ sở này.

Chữ iddhi ở đây Tàu dịch là thần thông. Thần thông là một từ vay mượn bên cái Lão giáo của Tàu, không phải của Phật giáo. Mà nhiều người trong room không có biết, cứ là tưởng thần thông là coi Tây Du, Ngô Thừa Ân viết thất thập nhị huyền công của Tôn Ngộ Không thì tưởng là cái đó của Phật giáo. Không phải. Cái chữ thần thông này thật ra là của Lão giáo.

Mà Lão giáo đã nói các vị nghe rồi, nguyên thủy nó xuất phát từ bộ Đạo Đức Kinh của ông Lão Tử. Nó chỉ là một cuốn sách minh triết thôi, như là sách của Dương Tử, Liệt Tử và Trang Tử vậy thôi. Rồi đến đời nhà Hán có Trương Đạo Lăng, ông ra đời mới tôn Lão-Trang. Và qua đến đời Tống thì coi như là Lão giáo phát triển cực thịnh. Rồi từ đó mới nảy ra nào là Khưu Xứ Cơ, Vương Trùng Dương, Trương Tam Phong, mà nhiều người không biết cứ tưởng đó là những nhân vật hư cấu của Kim Dung. Sai bét.

Ngay cả Toàn Chân Thất Tử như là Mã Ngọc, Khuru Xứ Cơ đều là những nhân vật có thiệt. Chỉ có những nhân vật tào lao như là Châu Bá Thông, Hoàng Cố Hoàng Dực Sư, Cửu Chỉ Thần Cái Hồng Thất Công là những nhân vật tào lao, đúng. Nhưng mà Trường Xuân chân nhân Khuru Xứ Cơ là có thiệt, Vương Trùng Dương là có thiệt, Trương Tam Phong là có thiệt.

Thứ năm là ở kinh 67 thì ám chỉ Lục thông, kinh 68 thì ám chỉ Trí Tuệ Quán. Mặc dù trong chữ Pāli gọi là ussolhi, nghĩa đen là sự tinh tấn, Số giải cung cấp từ đồng nghĩa để giải thích là adhimattaviriya...

Tức là ở hai kinh đều nhắc đến cái thứ năm này, nhưng mà ở kinh trước thì ussolhi chỉ cho Lục thông (Chalabhiññā), là Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông, Tha tâm thông cộng với Tam minh: Túc mạng minh, Sanh tử minh và Lậu tận minh.

Túc mạng minh là nhớ Quả luân hồi, rằng kiếp xưa ta đã sinh làm loại gì, ở đâu, sướng khổ ra sao.

Sanh tử minh là nhớ lại cái Nhân luân hồi, rằng kiếp xưa ta đã tạo nghiệp gì mà được cái này, bị cái kia.

Lậu tận minh là thấy rõ bản chất rớt ráo của cả hai Nhân Quả luân hồi, nên không còn tạo nhân sinh tử nữa. Nhân tào lao, quả tào lao. Do nhân đó là nó tạo ra cái quả đó, mà cả hai đều là đáng chán, cho nên vị này không có tiếp tục tạo nhân sinh tử nữa.

Bên cạnh Tứ Thần Túc ta phải có một thành tựu từ đó, hoặc là Lục thông, hoặc là Trí Tuệ Quán, thì bốn cái Thần túc kia mới thật sự ý nghĩa. Nhiều đời quá khứ ta cũng đã có bốn Thần túc này, nhưng vì thiếu cái thứ năm nên nay ta còn ở đây.

Tức là ngoài bốn cái kia ra phải kể thêm cái thứ năm là bởi vì quá khứ là mình đã có rồi, nhưng mà vì thiếu cái thứ năm này, tức là thiếu Lục thông hoặc là thiếu cái Trí Tuệ Quán, cho nên đời này ta mới coi như là còn ở đây.

Sati sati āyatane có nghĩa là trong các trần, trong mọi hoàn cảnh, trong mọi tình huống. Ở đây giải thích cái chữ lậu tận là sao:

Āsavānaṃ khayā anāsavaṃ cetovimuttiṃ paññāvimuttiṃ diṭṭheva dhamme sayama abhiññā sacchikatvā upasampajja vihareyya'ti, tatra tatveva sakkhibhabbatam pāpuṇiṃ sati sati āyatane'ti.

Có nghĩa là một người mà thành tựu được cái trí vô lậu, có thiền hoặc không có thiền. Có thiền thì gọi là cetovimutti, mà không thiền thì chỉ gọi là Tuệ giải thoát, paññāvimutti. Diṭṭheva dhamme sayama abhiññā sacchikatvā là ngay đời này chứng được cái trí tuệ. Sacchikatvā upasampajja là sau khi chứng ngộ an trú. Tatra tatveva sakkhibhabbatam pāpuṇiṃ sati sati āyatane có nghĩa là đạt được cái sự tự tại. Sakkhibhabba, đạt được cái sự tự tại đầu trong tình huống nào, đầu sáu căn đối diện với trần nào thì người ấy luôn luôn là tự tại.

Bởi vì có người tự tại về con mắt, họ không bị cám dỗ, nhưng mà lỗ tai thì cám dỗ. Có người lỗ tai không bị cám dỗ nhưng lỗ mũi bị cám dỗ.

Tôi phải nói rằng tôi cứ đem tôi ra hoài nó kỳ... nhưng mà mình giảng phải đem mình ra chứ tôi đem người khác sao?... có những người tôi mến họ chỉ vì

Giọng nói thôi. Có người tôi mến họ vì mái tóc, có người tôi mến họ vì cái cách cư xử, có người tôi mến họ là vì họ làm một cái nghĩa cử, một lần nào đó họ dùng cái bàn tay vàng để họ giúp tôi, v.v. và v.v. Có nghĩa là tôi dễ dàng bị đổ ngã, bị đốn gục bởi một cái trần nào đó trong sáu trần, tránh cái này dính cái kia.

Nhưng một vị giải thoát thì không. Một vị giải thoát thì đầu cho tam thiên đại thiên thế giới mà có đem tất cả những cám dỗ mà thử thách đến giảng đầy trước mặt một cái vị mà lậu tận, thì vị ấy hoàn toàn thanh tịnh và bất động, bất thối. Cái đó mới gọi là sati sati āyatane là như vậy, trong mọi tình huống, trong mọi trần cảnh.

Các vị còn nhớ chuyện cái bà thiếu phụ mà đi tìm xác chồng ngoài biên ải không? Trong room còn nhớ chuyện đó không? Tức là bà còn chút xuân sắc, vượt qua bao nhiêu cám dỗ, lời ong tiếng ve, ra tới biên cương mà đào bới, nhận lấy cái năm xương nơi năm mồ viễn xứ của chồng mang về. Vượt qua bao nhiêu cương đèo trắc trở mà về đến gần nhà, băng qua con suối, tay thì ôm cái bọc xương chồng, tưởng là một ngàn phần trăm là sẽ về được tới nhà với cái năm xương tàn của chồng. Mà không ngờ chỉ vì thấy một nhánh lan rừng bên bờ suối mà cứ chồm chồm với với, chồm chồm với với, cuối cùng nó sẩy tay rớt cái gói xương chồng, mà cái nhánh lan rừng thì không biết có hái được hay không.

Thì rất là nhiều người trong chúng ta cũng bị như vậy. Cả một đời theo đuổi một cái đạo nghiệp, một cái lý tưởng tu hành giải thoát, nhưng mà cuối cùng mình chết không có đáng. Đốn củi ba năm đốt một giờ, mua một vạn bán một đồng. Chỉ vì sao? Là chỉ vì chúng ta không có đủ Bốn Thần Túc: ý hướng, ý tưởng có mãnh liệt không? nỗ lực có đúng mức chưa? Tâm trạng ra sao và não trạng thế nào?

Kinh Thần Thông

Kinh 68 giống như Kinh 67 đã học.

Kinh Nhàm Chán 1, Kinh Nhàm Chán 2

Hai Kinh 69 và Kinh 70 đã giảng xong ở trước.

Phẩm Chiến Sĩ

Kinh Giải Thoát Quả

Kinh 71 hoàn toàn có thể tự đọc. Kinh 71 cũng đã giảng xong.

Phật dạy rằng một vị mà đã tu tập rất ráo năm cái đề mục ấy được xem là đã dẹp hết chướng ngại, lấp đầy các thông hào, nhổ lên cột trụ sinh tử, mở tung các ổ khóa giam cầm, đã hạ xuống cây cờ của đối phương Ác ma.

Các vị còn nhớ chuyện Cổ thành Quảng Trị năm 72 không? Có nghĩa là cứ bên này nhào lên ghim cái cây cờ của miền Nam lên, cái là bùm, cắt cùm, cái là gục xuống. Cái là bên kia nhào lên ghim cái cờ miền Bắc lên, cái là cắt cùm rớt xuống. Mà chỉ có cái cột cờ ở trên Cổ thành Quảng Trị không là không biết bao nhiêu các xác.

Mà cái người chứng Thánh là gì? Người chứng Thánh là người đã tháo được cái cột cờ của đối phương xuống, nghĩa là thắng trận.

Chỉ vì cái cây cột đó không đó mà bao nhiêu oan hồn uổng tử. Mà dĩ nhiên tôi là một tu sĩ, đối với tôi thì tất thấy đều là khói mù mờ ảo. Nhưng mà chính cái chết của họ mới làm cho tôi, tuy là người đời sau, nhưng mà vô tình ngẫu nhiên mà tôi nhớ trong một bài thơ cũng được một chứng nhân trong cái trận mà 72 ở Cổ thành, họ làm tới bây giờ được chạm khắc ở bên cái kỳ đài ở Quảng Trị:

“Đò xuôi Thạch Hãn xin chèo nhẹ,
Dưới đáy sông kia bạn tôi nằm.
Có tuổi đôi mươi thành sóng nước,
Vỗ yên bờ bãi mãi ngàn năm.”

Nó hơi tào lao mà tự nhiên tôi chực tôi nhớ đó là một bài thơ của người cộng sản mà tôi rất là thích, một bài đó thôi.

Đò xuôi Thạch Hãn, dòng sông Thạch Hãn là dòng sông mà bên cạnh Cổ thành Quảng Trị:

“Đò xuôi Thạch Hãn xin chèo nhẹ,
Dưới đáy sông kia bạn tôi nằm.
Có tuổi đôi mươi thành sóng nước,
Vỗ yên bờ bãi mãi ngàn năm.”

Các vị biết cái chuyện chiếm lĩnh được cái cột cờ để mà ghim cây cờ mình lên, hoặc là tháo cây cờ của đối phương xuống, đó là cả một cái hành trình gian nan máu lệ,

đem cả cái mạng mình ra chưa chắc đổi được.

Cho nên ở đây là hình ảnh mà Đức Thế Tôn Ngài dùng là đã hạ cây cờ xuống là chỗ đó. Nếu mà các vị không có biết cái khi mốc gì hết thì các vị đọc cái chỗ này các vị thấy nó mù mờ lắm. Thí dụ như là bậc Thánh là cái người đã dẹp đi các chướng ngại là sao? Các vị từng đi bị vấp té chưa? Các vị mới thấy, mình trong vòng luân hồi mình là những người chuyên môn bị các trở ngại. Muốn sống mà cũng không ra sống, mà nhiều khi muốn chết mà cũng không ra chết. Muốn có một nụ cười cũng không phải dễ. Muốn chết rồi được sanh thiên cũng không phải dễ.

Các vị còn nhớ năm cái điều khó được hay không: muốn giàu có, tiếng tăm, sức khỏe, được sanh thiên. Còn luân hồi thì những các ước mơ này thì còn trở ngại trùng trùng.

Thánh nhân là người đã chấm dứt sạch tất cả các trở ngại ấy, dù không còn cơ hội tái sinh nữa. Phải hiểu sâu như vậy mới thấy cái chỗ này tại sao Đức Phật gọi Thánh nhân là người dẹp trở ngại. Là bởi vì các vị biết, hễ có mặt sanh tử là còn bị trở ngại này nọ trùng điệp. Các vị mở mắt ra là thấy trở ngại.

Các vị trong room có dám hứa với tôi là cái cuộc sống gia đình, cuộc sống hôn nhân của các vị không có bị trục trặc, trắc trặc và trở ngại không? Các vị có đoan chắc với tôi là sức khỏe các vị ok 100% không? Các vị có đoan chắc với tôi là con cái quý vị là nó 100% nghe lời quý vị không? Có 100% là tụi nó sống vui, sống khỏe, sống lành mạnh không? Các vị có đoan chắc với tôi là những cái mối quan hệ máu mủ và xã hội của các vị nó đều hoàn hảo 100% như pha lê hay không? Mọi góc độ trong đời sống của các vị đều suôn sẻ không? Tôi nghĩ là không, đời.

Sống, nó là một hành trình của những trục trặc và trở ngại. Thánh nhân là đã dẹp tất cả những trục trặc và trở ngại ấy.

Thứ hai là vị Thánh là cái người đã dẹp xong các thông hào. Các vị có biết ngày xưa chiến tranh người ta dùng những thứ khí tài rất là thô sơ, thí dụ như là người ta dùng ngựa, dùng cung, dùng tên. Cho nên muốn công thành, hãm thành, là người ta phải

đối diện với bao nhiêu là khó khăn. Chẳng hạn như cái giao thông hào của đối phương, tức là bên ngoài cái thành lớn, mình làm cách nào mà mình có thể sát vô tới cái chân thành được? Từ xa là đã bị nó ném đá rồi. Mà tới được cái chân thành là sao? Có nghĩa là mình phải nhảy xuống dưới cái rãnh sâu đó, là ở trên nó cứ liệng xuống là mình đủ chết rồi. Nó liệng tằm xia răng xuống mình cũng đủ chết rồi. Mà Thánh nhân là người mà đẹp được cái giao thông hào đó.

Còn nhớ cái tích con ngựa gỗ thành Troie không? Là chỉ có cách đó thì cái đám lính thành Troie nó mới vô trong được.

Các Thánh nhân đã nhổ lên cột trụ. Cột trụ ở đây phải hiểu là cái chỗ trói, chỗ cột cái kẻ sanh tử. Cột đây là ám chỉ cái chỗ giam nhốt. Nhổ đi cái cột trụ là sự giải thoát.

Rồi mở tung ổ khóa. Các vị nghe nói tới cái chữ “ổ khóa” là các vị mệt rồi phải không? Tôi nghe nói tới ổ khóa tôi mệt lắm. Mặc dù nhà không có ổ khóa thì mệt thiệt, nhưng mà cái ổ khóa, tôi nghĩ đến cái sự gọi là phong bế, giam nhốt, kín khuất, khuất lấp, mờ ám, chật chội, tù túng. Cái ổ khóa là tôi nghĩ tới ổ khóa đó.

Các vị còn nhớ câu chuyện mà tôi kể, một cái ông kiểm sĩ người Nhật, ông ở tù rồi ông ra tù, bạn bè đến thăm ông. Họ chia buồn, chia vui với ông. Họ nói: Trời ơi, thương quá, ở tù mà không có thăm được. Thì ông cười hề hề hề hề, ông nói: Có gì đâu. Tù với không tù, nó khác nhau có một chỗ thôi, đó là được khóa trong hay khóa ngoài, và đứa nào giữ chìa!

Cái câu chuyện đó rất là hay.

Phá tung ổ khóa tức là vậy đó. Và cuối cùng là đã hạ cây cờ xuống. Là hồi này mình đã đem cái vụ Quảng Trị ra là hiểu rồi.

Ngày mai mình gặp nữa. Quan trọng là không phải mình học được bao nhiêu kinh, mình học được bao nhiêu lâu, mà mình phải làm sao mà cái người giảng họ khỏe hoài

hoài để họ giảng. Chứ còn mà ép họ quá, họ mệt, ngày mai họ đẹp luôn. Thứ hai là mình đã nghe cái gì, chứ không phải mình nghe được bao nhiêu.

Tây có một câu hay lắm, là vấn đề không phải anh sống được bao lâu, mà anh đã sống như thế nào; vấn đề không phải anh ăn được nhiều hay ít, mà anh đã ăn cái gì!